TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18/6/2020
"V/v kiện xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ lệ

Các hội thẩm nhân dân:

Ông: Hoàng Văn Tiến

Ông: Trần Xuân Văn

- Thư ký phiên toà: Bà Đào Thị Lệ Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới

Trong ngày 18/6/2020 tại Hội trường Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 401/2019/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2019 về việc "kiện xin ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22/4/2020; Quyết định gia hạn số: 21/2020 QĐGH-TA ngày 15/4/2020 và Quyết định hoãn phiên toà số: 14/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/5/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Tú Tr, sinh năm 1992. ĐKNKTT: Số 79 T, TDP 13 phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Bị đơn: Anh Vũ Tiến Đ, sinh năm 1991. ĐKNKTT: Số 79 T, TDP 13 phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; Địa chỉ nơi làm việc: Số 22 đường 41 phường H, thành phố H; Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 10/12/2019, được bổ sung tại bản tự khai cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Tú Tr trình bày:

- Về tình cảm: Chị Nguyễn Tú Tr và anh Vũ Tiến Đ tìm hiểu nhau và quyết định đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc, anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện A, tỉnh Z, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 104 quyển số: 01-2013 ngày 22/10/2013 của UBND xã H. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là không tìm được tiếng nói chung, sống bất đồng quan điểm, không hòa hợp. Từ đó bỏ mặc cuộc sống chung của vợ chồng, đến nay đã sống ly thân được hơn 01 năm. Nay chị Tr thấy không còn tình

cảm, cuộc sống chung không có, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Tiến Đ.

Tại bản tự khai ngày 30/12/2019 do anh Vũ Tiến Đ khai tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, anh khẳng định anh và chị Nguyễn Tú Tr tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân rồi đăng ký kết hôn như chị Tr trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nay chị Tr làm đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

- Về con chung: Chị Tr và anh Đ cùng khai có 01 con chung tên là Vũ Uy V, sinh ngày 16/5/2014. Tại bản tự khai chị Tr có nguyện vọng xin được nuôi con vì hiện nay cháu V đang sống chung cùng chị và chị đề nghị anh Đ đóng góp tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Trong lời khai anh Đ trình bày vợ chồng có 01 con tên là Vũ Uy V, sinh ngày 16/5/2014 nguyện vọng sau khi ly hôn không nhất trí để con cho vợ nuôi, anh mong muốn được nuôi con và không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh chị cùng khai vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra Thông báo thụ lý vụ án và gửi cho các đương sự kèm theo giấy triệu tập đến tòa án. Ngày 30/12/2019 chị Tr, anh Đ đã đến Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới làm bản tự khai, Sau đó Tòa án đã tống đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Nhưng anh Đ không có mặt mặc dù Tòa án đã tiếp tục gửi giấy triệu tập đương sự đến Tòa án để tiến hành hòa giải theo tố tụng nhưng bị đơn anh Đ vẫn không đến Tòa án, vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Tú Tr có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết ly hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; là nơi bị đơn anh Đ có địa chỉ cư trú: Số 79 T, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra thông báo thụ lý vụ án và gửi cho anh Đ kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án. Ngày 30/12/2019 anh Đ chị Tr đã đến làm bản tự khai. Tòa án đã tiến hành tống đạt 02 lần qua đường bưu điện cũng như niêm yết Thông báo về phiên hòa giải và phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ tại nơi bị đơn có Hộ khẩu thường trú, nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa án. Nhận thấy, việc hòa giải vụ án không thể tiến hành được. Do vụ án có chất phức tạp

nên được gia hạn theo Quyết định gia hạn số: 21/2020 QĐGH-TA ngày 15/4/2020. Ngày 22/4/2020 Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định xét xử số:19/2020/QĐST-HNGĐ và ấn định ngày xét xử là 18/5/2020. Tại phiên tòa bị đơn anh Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất. Do đó, HĐXX ra Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/5/2020 và ấn định thời gian xét xử vào ngày 18/6/2020 theo đúng quy định tại Điều 227, 233 BLTTDS. Nhưng bị đơn anh Đ vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ; HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS, phiên tòa vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Vũ Tiến Đ.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Tú Tr và anh Vũ Tiến Đ đã xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp, đáng lẽ ra anh, chị phải biết thương yêu, quý trọng chăm sóc lẫn nhau, nhằm xây dựng một gia đình hạnh phúc. Nhưng anh chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững mà lại để xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân hai bên thiếu thông cảm chia sẽ những khó khăn trong cuộc sống mà vợ chồng gặp phải, không biết cùng nhau gánh vác chuyện gia đình, không tìm được tiếng nói chung sau đó để mặc cuộc sống gia đình, sống ly thân, ai lo việc nấy không quan tâm gì đến nhau. Anh chị cũng thừa nhận cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn. Hai bên gia đình cũng nhiều lần phân tích, hòa giải cho vợ chồng anh chị nhưng không có kết quả. Nay chị Tr làm đơn xin ly hôn thì anh Đ cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Nhiều lần Tòa án thông báo về phiên hòa giải nhưng anh Đ không đến. Điều đó thể hiện rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục, tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc nên cần thiết phải cho chị Tr được ly hôn anh Đ là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Chị Tr và anh Đ đều thừa nhận quá trình chung sống có 01 con chung tên là Vũ Uy V, sinh ngày 16/5/2014. Anh chị đều mong muốn được nuôi con. Nguyện vọng của anh chị đều chính đáng. Nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay con còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, hơn nữa từ nhỏ đến nay cháu V đang sống với chị Tr nên việc giao con chung cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp về điều kiện và nguyện vọng của chị Tr, hơn nữa hiện nay anh Đ vì điều kiện công tác xa nhà, điều kiện nuôi con có phần bị hạn chế do đó Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao con cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn chính đáng. Hiện nay anh Đ cũng có công việc làm. Vì vậy chị Tr yêu cầu anh Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi là phù hợp với điều kiện hiện nay của anh Đ và phù hợp với Điều 81, 82, 83 luật HNGĐ năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr anh Đ khai không có và không yêu cầu phân chia tài sản nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227, 228 BLTTDS;

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử: cho chị Nguyễn Tú Tr được ly hôn anh Vũ Tiến Đ.

2. Về quan hệ con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình:

Xử: Giao 01 con chung Vũ Uy V, sinh ngày 16/5/2014 cho chị Nguyễn Tú Tr trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu Vũ Uy V tròn 18 tuổi.

Người không trực triếp nuôi con có quyền thăm con, không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án, xử: Buộc chị Nguyễn Tú Tr phải chịu nộp 300.000đ án phí ly hôn. Số tiền chị phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP Đồng Hới theo Biên lai số AA/2017/0005668 ngày 16 tháng 12 năm 2019.

Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Anh Vũ Tiến Đ phải chịu nộp 300.000đ để sung quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS Đồng Hới;
- VKSND thành phố Đồng Hới
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Lệ